TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2023
V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Ông Nguyễn Văn Kịch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2023, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 69/2023/TLST–HNGĐ ngày 14/3/2023 về việc "Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Yến L**, sinh năm 1985 (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn D** (D1), sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Yến L trình bày: Bà L và ông D được gia đình tổ chức đám cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 129 ngày 03/11/2008. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/9/2008 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 20/4/2013, hiện đang sống chung với mẹ. Vợ chồng có thời gian sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó hai bên bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vả, cuộc sống

hôn nhân không còn hạnh phúc. Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đỗ Thị Yến L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/9/2008 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 20/4/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi, yêu cầu ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng/01 con chung).

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L thay đổi mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là 745.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D (D1): Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông D không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông D.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không tham gia tố tụng nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành nghiêm theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, bà bà L thay đổi mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là 745.000 đồng/tháng/cháu, thay vì là 1.500.000 đồng/tháng/cháu, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu này là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông D chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà L và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà L và ông D sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Ông D cũng không đến Tòa tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải nên chưa có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông D có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/9/2008 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 20/4/2013, hiện nay đang sống chung với bà L. Xét thấy, hai cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ, riêng ông D không có ý kiến về việc nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử cần ổn định môi trường sống của cháu. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần giao cháu T và cháu V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông D không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của ông D khi không là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Nay bà L yêu cầu ông D cấp dưỡng với mức mức 745.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khả năng cấp dưỡng của ông D nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng; bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Yến L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Yến L được ly hôn với ông Nguyễn Văn D (Dũ).

1.2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/9/2008 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 20/4/2013 cho bà Đỗ Thị Yến L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu T và V đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn D (Dũ) được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Nguyễn Văn D (Dũ) có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 03/9/2008 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 20/4/2013 với mức 745.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu T và V đủ 18 tuổi. Phần quyết định này của Bản án được thi hành ngay theo quy định tại khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Đỗ Thị Yến L phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007009 ngày 08/3/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, ông Nguyễn Văn D (D1) phải chịu là 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã A, H. C -T.Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa